

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sơn Dương (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo của Ban giám đốc (Tiếp theo)

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Vi Thị Hồng
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2017



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

Số: 008/2017/BCKT-CNHVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sơn Dương

Chúng tôi, Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sơn Dương (sau đây gọi là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 22 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do đặc thù rừng tại Công ty có diện tích lớn và phân bố ở nhiều nơi, cùng với những hạn chế từ phía Công ty nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không xác minh được tính hiện hữu và đầy đủ của diện tích rừng dở dang chưa khai thác của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Dương trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84-4) 666.40423 * Fax: (+84-4) 666.40423 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: tinhtb.hvac@gmail.com / cnhn.hvac@gmail.com

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đang được xác định dựa trên cơ sở ước tính của bộ phận kế toán. Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sơn Dương vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Tĩnh
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1027-2015-098-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG - HVAC

Thành viên Tập đoàn Kiểm toán Quốc tế Eura Audit International

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Trần Thị Nguyệt
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2048-2017-098-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.248.644.228	40.973.032.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	72.307.207	571.699.950
1. Tiền	111		72.307.207	571.699.950
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.702.934.582	2.165.637.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6.213.251.100	860.893.482
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	106.300.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.383.383.482	1.304.743.848
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	39.339.417.098	35.301.360.337
1. Hàng tồn kho	141		39.339.417.098	35.301.360.337
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.985.341	434.334.844
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	133.985.341	416.563.224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	17.771.620
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.143.756.947	5.348.689.959
II. Tài sản cố định	220		5.115.451.947	5.320.384.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.115.451.947	5.320.384.959
- Nguyên giá	222		7.416.500.630	7.414.720.630
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.301.048.683)	(2.094.335.671)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.305.000	28.305.000
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.09	28.305.000	28.305.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.392.401.175	46.321.722.420

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		41.311.925.942	35.578.422.420
I. Nợ ngắn hạn	310		39.892.126.385	30.010.422.420
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.740.300.000	49.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	292.481.970	77.792.974
4. Phải trả người lao động	314	V.12	32.107.568.658	26.191.917.838
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.928.143.641	2.973.962.382
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	823.632.116	717.249.226
II. Nợ dài hạn	330		1.419.799.557	5.568.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	1.419.799.557	5.568.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.080.475.233	10.743.300.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	10.337.175.233	10.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		337.175.233	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	743.300.000	743.300.000
1. Nguồn kinh phí	431		743.300.000	743.300.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.392.401.175	46.321.722.420

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Syhn/2
Nguyễn T. Anh Tuấn

[Signature]
Nguyễn Hưng Thanh



Vi Thị Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	28.239.220.917	6.187.025.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.239.220.917	6.187.025.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	23.649.346.013	3.769.193.945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.589.874.904	2.417.831.346
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	83.699.438	200.260.813
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	3.241.017.448	2.408.077.571
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.432.556.894	210.014.588
11. Thu nhập khác	31	VI.05	31.122.047	1.716.531.471
12. Chi phí khác	32	VI.06	47.025.706	1.057.392.064
13. Lợi nhuận khác	40		(15.903.659)	659.139.407
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.416.653.235	869.153.995
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	292.735.789	173.830.799
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.123.917.446	695.323.196

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn T. Khanh V&S

Nguyễn Hưng



Vi Thị Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		23.066.759.812	8.307.254.213
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.212.225.500)	(1.284.260.900)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.966.471.132)	(4.638.533.276)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(273.460.887)	(479.941.165)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(55.000.000)	(317.083.543)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.437.669.457	9.090.184.979
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.793.114.050)	(11.750.321.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.204.157.700	(1.072.701.103)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.350.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.500.000.000	1.583.024.609
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.444.650.000	1.583.024.609
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.148.200.443)	(572.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.148.200.443)	(572.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(499.392.743)	(61.676.494)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	571.699.950	633.376.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	72.307.207	571.699.950

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Syhanh
Nguyễn T. Khanh Van

[Signature]
Nguyễn Trung Hào



Vi Thị Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu**

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sơn Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-CT ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tuyên Quang. Mã số doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh lần thứ nhất là 5000128048.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Ươm giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến có nguồn gốc hợp pháp (trừ các loại gỗ nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Trồng rừng chăm sóc rừng.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được bù trừ giữa phần chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được dùng để chia cổ tức.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu quá hạn trên sáu (6) tháng hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hoặc khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**3.1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

3.2. Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ước tính cho các sản phẩm dở dang. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm tài chính 2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**4.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4.2. Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian trích khấu hao được trích theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**6.1. Chi phí trả trước**

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Tiền thuê nhà xưởng.

6.2. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu gồm:

- Vốn đầu tư của các nhà đầu tư được ghi nhận theo cam kết góp trên giấy phép kinh doanh;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**10.1. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNGĐịa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn
Dương, Tỉnh Tuyên Quang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành đang áp dụng là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	4.661.545	548.025.554
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.645.662	23.674.396
Tiền VND	67.645.662	23.674.396
Ngân hàng Công thương Việt Nam	41.119.526	9.899.200
Ngân hàng Nông nghiệp	26.526.136	13.775.196
Cộng	72.307.207	571.699.950

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng NNPT				
Tuyên Quang	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần giấy An Hòa	740.393.000	448.048.500
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Chiêm Hóa	107.421.600	107.421.600
Công ty THH một thành viên Phi Long	-	110.004.000
Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng	-	115.178.382
Công ty THH Cường Mai	-	70.000.000
Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang	187.496.500	-
Chi nhánh Viettle Tuyên Quang - Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	9.600.000	-
Công ty Cổ phần Woodlands Tuyên Quang	5.168.340.000	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	-	10.241.000
Cộng	6.213.251.100	860.893.482

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNGĐịa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn
Dương, Tỉnh Tuyên Quang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh nghiệp tư nhân Công Nam Phú Thọ	50.000	-
Trung tâm Kỹ Thuật Tài nguyên Môi trường Tuyên Quang	65.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	41.250.000	-
Cộng	106.300.000	-

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Giấy An	-	-	100.000.000	-
Trương Văn Long	-	-	47.025.706	-
Phải thu khác	52.266.859	-	35.651.987	-
Tạm ứng	1.331.116.623	-	1.122.066.155	-
Cộng	1.383.383.482	-	1.304.743.848	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.535.000	-	94.680.400	-
Công cụ, dụng cụ	1.330.000	-	23.100.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.190.446.622	-	34.906.419.838	-
Thành phẩm	106.105.476	-	277.160.099	-
Cộng	39.339.417.098	-	35.301.360.337	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	133.985.341	416.563.224
Cộng	133.985.341	416.563.224

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị Trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Khoản mục	Nhà cửa , vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm		6.264.825.630	93.190.000	533.241.100	523.463.900	7.414.720.630
Mua trong năm		-	55.350.000	-	-	55.350.000
Thanh lý, nhượng bán		(53.570.000)			-	(53.570.000)
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		6.211.255.630	148.540.000	533.241.100	523.463.900	7.416.500.630
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		1.467.904.571	93.190.000	533.241.100		2.094.335.671
Khấu hao trong năm		231.034.817	3.075.000		26.173.195	260.283.012
Thanh lý, nhượng bán		(53.570.000)	-	-	-	(53.570.000)
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		1.645.369.388	96.265.000	533.241.100	26.173.195	2.301.048.683
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm		4.796.921.059	-	-	523.463.900	5.320.384.959
Tại ngày cuối năm		4.565.886.242	52.275.000	-	497.290.705	5.115.451.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư dài hạn khác	28.305.000	28.305.000	28.305.000	28.305.000
Cộng	28.305.000	28.305.000	28.305.000	28.305.000

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm Toán Hùng Vương	-	-	49.500.000	49.500.000
Bàn Văn Phúc	60.912.500	60.912.500	-	-
Đình Duy Chung	230.862.500	230.862.500	-	-
Đào Văn Lệ	115.837.500	115.837.500	-	-
Hoàng Văn Hiệp	138.250.000	138.250.000	-	-
Hoàng Văn Toàn	28.562.500	28.562.500	-	-
Lâm Văn Dữn	233.812.500	233.812.500	-	-
Mai Thị Cúc	459.250.000	459.250.000	-	-
Nguyễn Đăng Giới	109.112.500	109.112.500	-	-
Nguyễn Văn Hùng	82.587.500	82.587.500	-	-
Nguyễn Văn Kỳ	49.087.500	49.087.500	-	-
Nông Văn Thành	42.050.000	42.050.000	-	-
Nguyễn Văn Trường	484.137.500	484.137.500	-	-
Phùng Minh Thắng	90.587.500	90.587.500	-	-
Triệu Canh Thân	20.975.000	20.975.000	-	-
Trần Văn Lợi	66.562.500	66.562.500	-	-
Trần Văn Sừn	16.912.500	16.912.500	-	-
Vũ Cao Thế	230.362.500	230.362.500	-	-
Vi Thị Nga	126.150.000	126.150.000	-	-
Vương Văn Đại	154.287.500	154.287.500	-	-
Cộng	2.740.300.000	2.740.300.000	49.500.000	49.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	72.639.152	342.557.276	345.145.831	70.050.597
Thuế TNDN	(17.771.620)	292.735.789	55.000.000	219.964.169
Thuế TNCN	5.153.822	3.351.789	6.038.407	2.467.204
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	153.125.100	153.125.100	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17.771.620	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	77.792.974	-	-	292.481.970

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả công nhân viên	533.449.316	633.747.422
Phải trả lao động khác	31.574.119.342	25.558.170.416
Cộng	32.107.568.658	26.191.917.838

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.928.143.641	2.973.962.382
Cộng	3.928.143.641	2.973.962.382

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ khen thưởng	751.872.116	635.129.903
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	71.760.000	82.119.323
Cộng	823.632.116	717.249.226

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị Trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016		Tăng trong năm		Giảm trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	1.419.799.557	1.419.799.557	-	-	4.148.200.443	5.568.000.000	5.568.000.000	5.568.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang - DA NLG 2006	-	-	-	-	428.000.000	428.000.000	428.000.000	428.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang - DA NLG 2007	-	-	-	-	2.960.000.000	2.960.000.000	2.960.000.000	2.960.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang - DA NLG 2008	1.419.799.557	1.419.799.557	-	-	760.200.443	2.180.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000
Tổng	1.419.799.557	1.419.799.557	-	-	4.148.200.443	5.568.000.000	5.568.000.000	5.568.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	7	
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	695.323.196	695.323.196
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(695.323.196)	(695.323.196)
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	337.175.233	1.123.917.446	1.461.092.679
Giảm khác	-	-	(1.123.917.446)	(1.123.917.446)
Số dư cuối năm nay	10.000.000.000	337.175.233	-	10.337.175.233

17. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
Nguồn kinh phí	743.300.000	743.300.000
Cộng	743.300.000	743.300.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.239.220.917	6.187.025.291
Cộng	28.239.220.917	6.187.025.291

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	23.649.346.013	3.769.193.945
Cộng	23.649.346.013	3.769.193.945

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện
Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	83.699.438	200.260.813
Cộng	83.699.438	200.260.813

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.848.380.892	1.312.006.210
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.565.035	65.922.917
Chi phí khấu hao TSCĐ	176.026.996	198.239.469
Thuế, phí và lệ phí	153.189.100	99.483.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.476.315	177.028.075
Chi phí bằng tiền khác	760.379.110	555.397.699
Cộng	3.241.017.448	2.408.077.571

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	31.122.047	1.716.531.471
Cộng	31.122.047	1.716.531.471

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	47.025.706	-
Chi phí khác	-	1.057.392.064
Cộng	47.025.706	1.057.392.064

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20 % lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện
Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.416.653.235	869.153.995
Các khoản điều chỉnh tăng	47.025.706	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	1.463.678.941	869.153.995
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	1.463.678.941	869.153.995
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính	292.735.789	173.830.799
Thuế TNDN được miễn giảm theo giấy phép đầu tư	-	-
Các khoản được miễn giảm khác	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	292.735.789	173.830.799

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sơn Dương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.

3. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Người lập

Kế toán trưởng

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Giám đốc

Sybi/2
Nguyễn T. Khắc Văn

[Signature]
Nguyễn Trung Nhân



[Signature]
Vi Thị Hồng